

NGHIÊN CỨU VÀ HỌC TẬP

## BÀI HỌC VỀ Ý NGHĨA CỦA KHOAN DUNG TỪ LỊCH SỬ ĐỐI VỚI HIỆN TẠI Ở VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI (\*)

*Bài viết trình bày và phân tích một số biểu hiện của khoan dung trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước, trong đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo,... ở Việt Nam. Từ đó, tác giả khẳng định rằng, khoan dung là một giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam. Và, giá trị truyền thống này cần phải được kế thừa và phát huy trong điều kiện hiện nay.*

Cùng với sự bùng nổ của các thành tựu khoa học và công nghệ, vấn đề khoan dung cũng đang đứng trước những thách thức không nhỏ vì tính hai mặt của việc áp dụng những thành tựu đó vào cuộc sống. Vấn đề không nằm ở bản thân những thành tựu đó, mà chính là ở việc con người sử dụng chúng như thế nào, vì mục đích gì.

Ngày nay, chiến tranh và xung đột vẫn xảy ra ở nhiều khu vực, cuộc chạy đua vũ trang đang tác động rất lớn và nhiều mặt đến cuộc sống của con người, cản trở sự phát triển xã hội. Bên cạnh đó, quá trình toàn cầu hoá đang thu hút và đòi hỏi sự liên kết các quốc gia vì mục tiêu phát triển. Do vậy, việc hiểu và tôn trọng những giá trị vốn có của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc cũng như những giá trị mới hình thành là vấn đề cấp thiết. Đó chính là lý do vì sao trong thời gian gần đây, vấn đề khoan dung được nhắc đến rất nhiều và được tìm hiểu từ nhiều góc độ khác nhau. Giá trị của khoan dung được ghi nhận là có tác động không nhỏ đến sự phát triển của xã hội. Khoan dung như một cách thức để phát huy hơn nữa giá trị nhân đạo của khoa học, kỹ thuật và công nghệ trong cuộc sống, đồng thời, nó góp phần giữ gìn những giá trị truyền thống, đạo đức

chung mang tính nhân loại. Bởi vậy, chúng ta không nên coi khoan dung chỉ là những giá trị đạo đức, giá trị văn hóa, giá trị chính trị hay giá trị tôn giáo tách rời nhau.

Trong thời gian gần đây, nhất là những thập niên cuối của thế kỷ XX, khoan dung được nhắc đến nhiều với vai trò là một giá trị đạo đức của con người nói chung. Nó được nhắc đến nhiều trong mối quan hệ giữa con người với nhau cũng như giữa con người với môi trường sống xung quanh mình. Mục đích của nó là duy trì sự tồn tại giữa cả hai đối tượng trong bất kỳ mối quan hệ nào.

Đến nay, vẫn chưa có một định nghĩa hoàn chỉnh về khoan dung, bởi như UNESCO đã từng khẳng định, các định nghĩa về khoan dung không bao chứa hết được nội dung mà nó phản ánh. Song, về cơ bản, khoan dung được hiểu “là sự tôn trọng, sự chấp nhận và sự thưởng thức của sự đa dạng, phong phú trong nền văn hoá thế giới, trong các hình thức của sự diễn đạt và cách thức của tồn tại người”, “khoan dung không phải là sự nhượng bộ, sự hạ mình hay nhận đặc ân”, “khoan dung là trách nhiệm. Đó là

(\*) Nghiên cứu viên, Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

sự duy trì quyền con người, chủ nghĩa đa dạng (kể cả đa dạng văn hoá), chế độ dân chủ và luật lệ”, “việc thực hiện vấn đề khoan dung không có nghĩa là khoan dung của sự bất công xã hội, sự từ bỏ hay sự suy nhược trong nhận thức của một người nào đó. Nó có nghĩa là mỗi người đều được tự do trong việc giữ vững nhận thức của chính mình và thừa nhận quyền đó của người khác”(1).

Qua đó, có thể khẳng định rằng, khoan dung không chỉ là việc nắm lấy những nguyên tắc sống cơ bản, mà còn là điều kiện cho hòa bình, cho phát triển kinh tế và cho sự tiến bộ xã hội. Khoan dung phải ăn sâu không chỉ trong tâm trí của mọi người như một thái độ ứng xử, mà cả trong những cách bố trí của sự vận hành xã hội và chính trị, chi phối và tạo dựng những mối quan hệ giữa con người với con người. Khoan dung không chỉ thuộc về đạo đức của mỗi cá nhân, mà còn thể hiện tinh thần yêu hòa bình của mỗi dân tộc.

Trong lịch sử Việt Nam, khoan dung là một đặc tính hình thành trong quá trình tồn tại và phát triển truyền thống dân tộc. Trải qua nhiều thế hệ, tinh thần khoan dung ấy ngày càng được gạn lọc và bồi đắp thêm. Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hóa, trước hết là toàn cầu hoá kinh tế hiện nay, giá trị của khoan dung đang đứng trước những thách thức mới và nó cần phải được bảo tồn và phát huy.

Tinh thần khoan dung thấm đẫm trong truyền thống dân tộc Việt Nam được xây dựng và đúc kết trong suốt tiến trình lịch sử của dân tộc. Chúng ta thường nói rằng, đoàn kết là một truyền thống quý báu của dân tộc ta. Chính truyền thống đó đã thể hiện tinh thần tương thân, tương ái, chấp nhận những khác biệt để cùng nhau bảo vệ cuộc sống của mình trước sức mạnh của tự nhiên, nâng cao điều kiện sống của bản

thân. Ban đầu, sự ra đời của nhà nước Văn Lang - Âu Lạc không hoàn toàn là kết quả của cuộc đấu tranh bằng vũ lực trong nội bộ các cộng đồng, các tộc người, mà chính là để tìm một sự đoàn kết, liên kết tự nguyện nhằm tăng hiệu suất việc trị thủy. Đó cũng là nhân tố tạo nên nền móng đầu tiên của tâm hồn, đạo lý, phong tục, tập quán, lối sống khoan dung của con người Việt Nam với ý nghĩa đồng bào cả nước đều là con Rồng, cháu Tiên, nòi giống Lạc Hồng, coi nhau như anh em trong một đại gia đình các dân tộc Việt Nam.

Cùng với việc dựng nước, ông cha ta cũng nhiều lần phải đương đầu chống các thế lực ngoại xâm có quân đông và có vũ khí mạnh hơn nhiều lần để bảo vệ đất nước. Bảo vệ không chỉ về mặt lãnh thổ, mà còn bảo vệ nền văn hoá, bảo vệ truyền thống dân tộc đã làm nên bản sắc văn hoá của Việt Nam. Bởi, khi một dân tộc này đến xâm chiếm lãnh thổ của một dân tộc khác thì không chỉ tiến hành các hành động quân sự mà qua đó, còn hủy hoại, tàn phá, đồng hoá văn hóa dân tộc ấy. Kết quả là, nền văn hoá của dân tộc bại trận hoặc bị đồng hoá, hoặc sẽ đồng hoá chính nền văn hoá của dân tộc thắng trận. Do vậy, việc bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa dân tộc là một yêu cầu bức thiết.

Để có thể tồn tại bên cạnh việc duy trì bản sắc văn hóa truyền thống, văn hóa Việt Nam phải có những hoạt động để tự bảo vệ trước những yếu tố của văn hoá ngoại bang. Cha ông ta đã tiến hành bảo vệ nền văn hoá Việt Nam không phải bằng tư tưởng bảo thủ, cố chấp, tự cao tự đại, mà đã có sự tiếp biến những nhân tố văn hóa ngoại nhập để tăng lên nội lực văn hóa của dân tộc. Trong quá trình dựng nước và giữ nước,

(1) Xem: <http://www.unesco.org/tolerance/declaeng.htm#preamble>

văn hóa Việt Nam đã có những cuộc tiếp xúc, tiếp biến các nền văn hóa lớn thành công, như sự truyền bá hòa bình của Phật giáo từ Ấn Độ sang; sự tiếp xúc, tiếp biến thành công đối với văn hóa Trung Hoa, bằng cả con đường cưỡng bức và tự nguyện các yếu tố văn hóa Hán và sự tiếp xúc với văn hóa phương Tây. Song, văn hóa Việt Nam không những không bị đồng hoá, mà đã sàng lọc và tiếp thu những yếu tố mới phù hợp với giá trị nền tảng của văn hóa dân tộc Việt. Nhờ đó, văn hóa Việt Nam vừa giữ được bản sắc dân tộc, vừa trở nên phong phú hơn. Cũng bởi vậy, dù trải qua một nghìn năm Bắc thuộc và hơn 100 năm dưới ách thống trị của thực dân - đế quốc, không những dân tộc Việt Nam đã không bị đồng hóa, mà văn hoá Việt Nam vẫn tồn tại bền vững, không bị hòa tan. Đó chính là nhờ tinh thần khoan dung đã từ lâu dần được tô đậm trong nền văn hóa dân tộc Việt Nam.

Với tinh thần khoan dung về văn hóa vốn có và như là một giá trị cơ bản, cuộc sống tinh thần của mỗi con người, mỗi tộc người sinh sống trên đất nước Việt Nam nhìn chung đều được tự do, kể cả tự do về mặt tín ngưỡng, tôn giáo. Do đó, xét về mặt tôn giáo, có thể nói, trong lịch sử Việt Nam không có chiến tranh giữa các tôn giáo như đã từng diễn ra ở một số nước khác. Và, hiếm có nơi nào mà các tôn giáo, các tín ngưỡng khác nhau lại chung sống hòa bình như ở Việt Nam. Chẳng hạn, khi thoát khỏi ách đô hộ của phong kiến Trung Hoa, dân tộc ta bước vào xây dựng nền văn minh Đại Việt. Phật giáo được tôn làm quốc giáo, nhưng từ triều đình trung ương đến các làng xã đều không có sự kỳ thị tôn giáo. Tình hình này chỉ dứt gãy trong một thời gian ngắn khi có cục diện truyền đạo Công giáo “bất thường” trực tiếp liên quan đến

chính trị, đến chủ quyền quốc gia, Công giáo xâm nhập vào nước ta cùng với đội quân xâm lược của thực dân Pháp. Do vậy, đã có lúc bọn thực dân - đế quốc đã tìm mọi cách lợi dụng, kích động, chia rẽ các tôn giáo để thực hiện dã tâm xâm lược và thống trị của chúng. Nhưng, mọi âm mưu và hành động đó đều thất bại trước tinh thần khoan dung và đoàn kết của dân tộc ta.

Ở Việt Nam, tinh thần khoan dung trong lĩnh vực tôn giáo không chỉ thể hiện ở sự tôn trọng nhu cầu tâm linh, mà đã có sự nhận thức rằng, các tôn giáo lớn đều có một điểm chung là dạy con người làm điều thiện, tránh điều dữ, hướng con người đến cội nguồn chung của loài người, hướng đến Chân - Thiện - Mỹ. Nếu Nho giáo dạy con người về nhân nghĩa, Đạo giáo dạy con người biết quý trọng và sống hài hòa với tự nhiên, Công giáo dạy con người về công bằng và bình đẳng, thì Phật giáo dạy con người ta về từ, bi, hỷ, xả, vị tha,... Do biết hòa đồng và dung hợp giữa các tôn giáo, nên dù có ông vua nào đó coi trọng hoặc định kiến với tôn giáo cụ thể nhưng đã là người Việt ai cũng coi trọng tục thờ cúng tổ tiên, hướng về nguồn cội chung.

Bên cạnh đó, tính chất khoan dung còn thể hiện rất rõ trong mối quan hệ giữa con người với nhau không kể dân tộc, đẳng cấp, chủng tộc, tôn giáo,... Đó là mối quan hệ cao quý nhất của cuộc sống và nó cũng làm nên giá trị nhân văn của truyền thống dân tộc. Chính vì vậy, khi tình thế bắt buộc phải dùng vũ lực để bảo vệ đất nước, đến khi chiến thắng, dù căm thù quân xâm lược bao nhiêu chăng nữa, kể cả từng có khi “căm giặc nước thể không cùng sống”, nhưng khi đất nước đã được yên bình, độc lập thì thái độ ứng xử của dân tộc Việt vẫn là khoan dung đối với kẻ thù bại trận: “thể lòng trời tỏ lượng hiếu sinh”. Điều này thể

hiện rõ nhất hành động mang tính chất khoan dung của dân tộc ta.

Đối với quân xâm lược dã như vậy, đối với đồng bào trong cùng cội nguồn thì tinh thần khoan dung cũng thể hiện rất sâu sắc. Cha ông ta đã từng dạy “đánh kẻ chạy đi, không ai đánh người chạy lại”. Dù có mắc lỗi đến mấy thì cũng sửa được và khi đã nhận ra lỗi lầm thì còn quý hơn rất nhiều.

Từ một số biểu hiện cụ thể trên đây, có thể nhận định rằng, tinh thần khoan dung Việt Nam được đúc kết từ chính truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước qua hàng nghìn năm lịch sử. Tuy không có một hệ thống lý thuyết hoàn chỉnh, song, đến nay, tinh thần khoan dung đó vẫn được kế thừa và tiếp tục phát huy trước những thách thức lớn của thời đại. Cũng qua đây, chúng ta thấy rằng, khoan dung trong tinh thần của người Việt Nam không phải là những lý luận cao siêu, mà đó là những triết lý giản dị có thể tìm thấy trong hoạt động sống hàng ngày của những con người Việt Nam, kể cả những người bình dị nhất. Có thể, thuật ngữ trong những triết lý ấy không xuất phát từ chính ngôn ngữ của dân tộc, nhưng bản chất của tinh thần đó thì không thể lẫn được.

Chính lịch sử đã kiểm chứng cho những giá trị tốt đẹp của dân tộc ta thì không lẽ nào, trong thời kỳ có những biến chuyển mạnh mẽ về mọi mặt trong đời sống xã hội như hiện nay, những giá trị đó lại không phát huy hết ý nghĩa của mình. Vấn đề là, những giá trị đó đã được coi trọng và hiểu đúng hay chưa. Bên cạnh đó, từ bài học lịch sử, chúng ta có thể rút ra những kinh nghiệm quý giá, trong đó có giá trị của tinh thần khoan dung. Giá trị của tinh thần đó đóng góp đáng kể trong sự phát triển của quốc gia không chỉ trong quá khứ, mà nó còn được nhìn nhận như là một công cụ cho

sự phát triển hiện nay của đất nước.

Việt Nam cũng như nhiều dân tộc khác trên thế giới đang đứng trước sự bùng nổ công nghệ thông tin, quá trình đô thị hóa, sự di dân, hợp tác kinh tế, trao đổi văn hóa, du lịch, v.v.. Sự bùng nổ đó vừa thúc đẩy các quốc gia xích lại gần nhau, vừa mở ra cơ hội thuận lợi để phát triển kinh tế, văn hóa, đồng thời cái tốt, cái xấu, cái tiêu cực của văn hóa độc hại từ bên ngoài cũng theo đó mà xâm nhập vào nước ta. Trước tình hình ấy, khi giao lưu kinh tế, văn hóa, chúng ta phải giữ vững độc lập, chủ quyền, tiếp thu một cách có chọn lọc những giá trị tốt đẹp của nền văn hóa hiện đại thế giới, đồng thời phải đấu tranh chống lại sự xâm nhập của văn hóa độc hại, uốn nắn kịp thời khuynh hướng sùng ngoại, mất gốc, lai căng, bất chấp đạo lý, coi thường các giá trị nhân ái, khoan dung vốn đã trở thành truyền thống, thành giá trị đạo đức và văn hoá quý báu của dân tộc.

Cha ông ta đã xây dựng nền tảng đoàn kết dân tộc và nó đã được hun đúc lại bằng chính sức lực và sự hy sinh của những người con đất Việt. Đến nay, truyền thống đó vẫn đang được duy trì và cần phải được phát huy mạnh mẽ hơn nữa. Bởi, dù điều kiện lịch sử - xã hội đã thay đổi, nhưng mục tiêu của đoàn kết dân tộc thì không thay đổi. Chỉ khác là, việc chống lại kẻ thù, bảo vệ đất nước sẽ không chỉ bằng vũ lực nữa, mà còn bằng nhiều hình thức khác, như bằng văn hoá, bằng kinh tế,... Việc dựng nước không phải chỉ là mở rộng lãnh thổ về mặt địa lý, mà còn là phát huy mọi nguồn lực để phát triển đất nước. Nguồn lực đó không chỉ là những nguồn tài nguyên thiên nhiên sẵn có, mà còn là nguồn tài nguyên trí tuệ, tri thức của mỗi con người.

Trong những năm gần đây, Đảng và Nhà nước ta nhắc nhiều đến việc phát triển

nguồn nhân lực. Đó là tài sản quý giá nhất mà quốc gia có. Tài sản đó không chỉ có ở cá nhân, mà đó còn là sự liên kết giữa các cá nhân đó nữa, vì “Một cây làm chẳng nên non; Ba cây chụm lại nên hòn núi cao”. Hơn nữa, việc xây dựng khối đại đoàn kết của dân tộc Việt Nam không chỉ bao gồm mọi người dân trong nước, mà còn một bộ phận không nhỏ những người con sống ly hương. Những người Việt Nam, vì bất cứ lý do gì mà phải sống xa quê hương, đều mong muốn trở về giúp ích cho nước nhà. Vì vậy, những gì đã xảy ra trong quá khứ nếu không được hiểu và cảm thông thì đó sẽ là rào cản mọi người con Việt Nam đóng góp sức lực xây dựng quê hương. Một lần nữa, giá trị của khoan dung đang giúp đất nước phát huy mọi nguồn lực để đưa Việt Nam “sánh vai với các cường quốc năm châu”. Đồng thời, đoàn kết dân tộc không chỉ để phát triển kinh tế, mà đó còn là bức tường thành vững chắc để bảo vệ Tổ quốc trước mọi sự xâm lược.

Bất cứ quốc gia nào cũng đều có nền văn hoá của riêng mình và việc bảo vệ nó là điều kiện tiên quyết để bảo vệ đất nước. Bởi, nếu mất nước về mặt lãnh thổ thì có thể đấu tranh để giành lại được, còn nếu mất nước về mặt văn hoá thì quốc gia đó coi như đã tiêu vong. Hơn nữa, văn hoá không phải là một sản phẩm tinh thần chết cứng; trái lại, nó cũng có sự vận động do sự phát triển ngày càng phong phú của đời sống vật chất. Nếu coi văn hoá là một cái gì đó bất biến, thì có nghĩa là chúng ta đang hủy hoại, phá bỏ văn hoá, phá bỏ chính cuộc sống tinh thần của chúng ta. Bởi, văn hoá cũng cần phải thích ứng với những thay đổi của điều kiện xã hội để tồn tại. Nếu không thích ứng kịp với những biến chuyển của thời gian, thì đời sống tinh thần nói chung, văn hoá nói riêng của con người sẽ khô cứng mà chết dần. Có thể nói, đó chính là

sự thể hiện quy luật đào thải của tự nhiên trong lĩnh vực văn hoá.

Trong khi đó, có tiến bộ về mặt văn hoá thì mới có tiến bộ về mặt kỹ thuật, về mặt kinh tế và về mặt xã hội. Mà để phát triển văn hoá thì phải dựa trên truyền thống tốt đẹp cùng với việc tiếp biến những giá trị văn hoá của thời đại. Lịch sử Việt Nam đã chứng minh rất rõ ràng, qua nhiều lần tiếp xúc, tiếp biến, văn hoá Việt Nam đã có những phát triển nhất định, đồng thời, những giá trị tốt đẹp của truyền thống dân tộc lại được khẳng định, được bảo vệ tốt nhất và có những bước tiến nhất định. Việc phát triển từ nền văn hoá Đông Sơn, nền văn hoá được coi là thuần Việt, tiến lên nền văn hoá Đại Việt với những thành tựu rực rỡ là ví dụ điển hình cho việc biết tiếp nhận và vượt bỏ. Đến nay, bài học này đang có ý nghĩa rất lớn đối với việc phát triển văn hoá của dân tộc ta hiện nay. Tinh thần khoan dung của dân tộc, một lần nữa, phải được chọn lọc, được tiếp sức và nâng cấp trong bối cảnh “văn hoá mở”, vốn rất phóng khoáng, nhưng cũng rất dữ dội này.

Ngày nay, kinh tế tri thức đang phát triển mạnh mẽ và cũng chi phối đến hành động, định hướng của mỗi người, mỗi quốc gia. Do đó, để hướng tới kinh tế tri thức, giáo dục được coi là “quốc sách hàng đầu”. Song, hiện nay, có thể nói, chúng ta đang quá chú trọng đến việc dạy kiến thức lý thuyết khoa học sách vở mà quên mất rằng, việc tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động ngoại khóa mới là những hoạt động dạy người ta những kiến thức về ý thức đạo đức, ý thức về hỗ trợ lẫn nhau trong hoạt động, trong cuộc sống. Do vậy, việc giáo dục tinh thần khoan dung Việt Nam còn cần được thực hiện trên những bình diện khác nữa. Đó là, giáo dục nhằm phát triển tư duy, phát triển trí tuệ phải gắn với việc giáo dục phát triển nhiều mặt con người thông qua

thực tiễn, giáo dục cả về mặt tư tưởng, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống của con người và phải chống lại sự lạnh lùng, sự vô cảm, chủ nghĩa cá nhân thực dụng.

Trong cuộc sống, vấn đề lợi ích vẫn chi phối mọi hành động của con người. Nhưng để mỗi hành động vì lợi ích của mình không làm tổn hại đến lợi ích của người khác, thì cần định hướng đúng đắn sự hình thành nhu cầu phát triển của con người, cũng như phát triển một cách nhân văn xã hội. Đó đều là những vấn đề cấp thiết đang đặt ra trong xã hội hiện đại. Do vậy, vấn đề giáo dục đạo đức về một sự khoan dung để hướng vào sự tự giác khoan dung không ích kỷ, vụ lợi, dù ở bất cứ khía cạnh nào không chỉ là vấn đề của mỗi cá nhân, mà còn là vấn đề của cả cộng đồng xã hội trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay.

Bên cạnh đó, để bảo vệ đạo đức khoan dung ở mỗi con người, từ đó bảo vệ đạo đức khoan dung của dân tộc, không có cách nào khác là giáo dục truyền thống của dân tộc. Giáo dục không chỉ bằng những kiến thức từ sách vở, mà còn từ chính hoạt động của con người trong xã hội; không chỉ có tính "xã hội" áp đặt, mà còn là sự tự giác, "tự nguyện", "tự giáo dục" của mỗi cá nhân.

Trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay, các giá trị truyền thống của dân tộc ta, trong đó có giá trị khoan dung, đang chịu những thách thức không nhỏ trước sức mạnh của vật chất, sức mạnh của "đồng tiền". Do vậy, vấn đề là làm sao để bảo vệ được các giá trị đạo đức truyền thống đó, đồng thời lại phải phát huy được các giá trị ấy trong hoàn cảnh mới cũng như tiếp thu được những giá trị mới của nhân loại nhằm bổ sung cho hệ giá trị truyền thống của chúng ta? Bên cạnh đó, những gì trong truyền thống của dân tộc ta còn mang tính bảo thủ cần phải được thanh lọc.

Kinh nghiệm của nhiều quốc gia cho thấy, "bất cứ sự cố gắng nào đạt đến sự

tăng trưởng kinh tế mà không tính tới những đặc điểm văn hóa dân tộc nhất định dẫn đến sự phá hoại nghiêm trọng cơ cấu kinh tế và giá trị văn hóa, dẫn đến làm suy yếu nghiêm trọng toàn bộ tiềm năng sáng tạo của quốc gia"(2). Đó cũng là bài học đối với Việt Nam trong việc bảo vệ và phát huy đạo đức khoan dung nói riêng, các giá trị truyền thống đạo đức nói chung.

Để cùng phát triển, yêu cầu về sự hiểu biết lẫn nhau, về việc nhận diện và tiếp thu những gì là tốt đẹp cho sự phát triển là rất cần thiết. Giá trị của tinh thần khoan dung hoàn toàn phù hợp không chỉ trong lịch sử, mà còn ở hiện tại. Chúng ta chấp nhận những gì là tiến bộ để xã hội tiến lên phía trước, đồng thời, phải biết đấu tranh, loại bỏ những gì không thích đáng. Đó là giá trị lớn nhất mà tinh thần khoan dung mang lại cho chúng ta trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay.

Như vậy, những bài học của lịch sử thể hiện tinh thần khoan dung đã giúp bảo vệ đất nước trước kẻ thù thì đến nay, chúng vẫn còn những giá trị để định hướng xây dựng và phát triển đất nước trong bối cảnh lịch sử mới. Những bài học đó dù không để lại những giá trị vật chất, nhưng là điểm tựa tinh thần vững chắc trong đời sống tinh thần của dân tộc Việt Nam. Việc hiểu và tôn trọng những đặc trưng của từng tộc người ở Việt Nam để đoàn kết dân tộc, việc hiểu và phát huy những giá trị tích cực của văn hoá dân tộc, việc hiểu và tôn trọng tự do tín ngưỡng của mỗi người là những bài học cụ thể được đúc kết từ trong truyền thống của dân tộc mà ngày nay, Đảng và Nhà nước ta đang cố gắng duy trì và phát huy để hướng đến việc xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, ổn định và phát triển. □

(2) F.Mayor. "Thập kỷ thế giới phát triển văn hóa", *Tạp chí Người đưa tin UNESCO*, số 11, 1988, tr.5.